

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN
HỌC PHẦN: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

ĐỀ TÀI: “SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN HIỆN ĐẠI NGÀY NAY. TỪ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN ÁO VÀNG Ở PHÁP RÚT RA ĐƯỢC BÀI HỌC CHO CÔNG NHÂN CÁC NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC ĐANG CỘNG SẢN HIỆN NAY”.

Giảng viên hướng dẫn : Vũ Thu Hiền

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Phạm Hiếu Anh

Mã sinh viên : 23A4010831

Nhóm lớp : K23NHA

Hà Nội , ngày 6 tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	1
2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu	1
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.....	2
5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài.....	2
NỘI DUNG	3
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU.....	3
1.1 Khái niệm giai cấp công nhân	3
1.2 Sự ra đời khái niệm giai cấp công nhân trong lịch sử tư tưởng trước Mác.....	4
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	6
2.1. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	6
2.2 Giai cấp công nhân và phong trào công nhân thế giới hiện nay.....	7
2.3 Từ phong trào công nhân áo vàng ở pháp rút ra được bài học cho công nhân các nước xã hội chủ nghĩa và các đang cộng san hiện nay.	9
2.4 Quan điểm cá nhân về vấn đề này	11
KẾT LUẬN	13
DANH MỤC THAM KHẢO.....	14

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Giai cấp công nhân (GCCN) là một bộ phận đặc biệt trong lịch sử con người nói chung, trong xã hội tư bản nói riêng. Khái niệm phản ánh về GCCN cũng là một bộ phận quan trọng trong chủ nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết giá trị thặng dư và trong chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học. Với vị trí như vậy, cho nên trong nhiều tác phẩm kinh điển, C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin thường xuyên đề cập tới khái niệm GCCN với những dấu hiệu khác nhau. Từ đây *đặt ra nhu cầu* nghiên cứu khái niệm GCCN từ góc nhìn triết học (vì các nhà kinh điển cũng tiếp cận từ góc nhìn triết học) nhằm hệ thống hóa những dấu hiệu ấy trong sự vận động, phát triển của chúng.

Ở nước ta, tuy nghiên cứu lý luận về khái niệm GCCN đã đạt được nhiều kết quả, song vẫn còn không ít những hạn chế. Chẳng hạn như các thuộc tính của GCCN chưa được sắp xếp thành hệ thống; vị trí, vai trò của các thuộc tính chưa được xác định rõ ràng; liên hệ giữa khái niệm GCCN với các khái niệm khác của CNXH khoa học còn mờ nhạt; khái niệm GCCN trong tư tưởng V.I.Lênin về chủ nghĩa đế quốc chưa được khai thác đầy đủ; sự sinh thành, biến đổi, mất đi những nội dung của khái niệm GCCN theo dòng chảy của lịch sử chưa được làm sáng tỏ,...

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề ***Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và giai cấp công nhân hiện đại ngày nay*** làm đề tài cho bài tiểu luận triết học của mình.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích: Phân tích làm rõ nguồn gốc ra đời, bản chất, logic vận động và phát triển của khái niệm nói chung trong tư duy lý luận và của khái niệm GCCN nhìn từ quan điểm triết học biện chứng duy vật.

Nhiệm vụ:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến lý luận chung về khái niệm, vận động của khái niệm lý luận và khái niệm GCCN nói riêng;
- Chỉ ra các điều kiện kinh tế - xã hội, tiền đề lý luận cho sự hình thành, vận động của khái niệm GCCN thời kỳ trước Mác;

- Làm rõ sự vận động của khái niệm GCCN trong tư tưởng C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin;
- Phân tích sự vận động của khái niệm GCCN trong tư duy lý luận từ sau khi V.I.Lênin mất đến nay;
- Bước đầu khảo sát sự vận động của khái niệm GCCN ở Việt Nam.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Logic vận động của khái niệm GCCN nhìn từ quan điểm triết học biện chứng duy vật.

Phạm vi nghiên cứu:

Sự vận động của khái niệm GCCN chủ yếu được nghiên cứu trong tư tưởng xã hội chủ nghĩa (XHCN) trước Mác, trong các tác phẩm kinh điển của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin, trong lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế từ sau khi V.I.Lênin mất đến nay.

Tiểu luận tập trung nghiên cứu sự biến đổi nội hàm và ngoại diên theo logic vận động của khái niệm GCCN nhìn từ quan điểm triết học biện chứng duy vật.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận: Tiểu luận được thực hiện dựa trên cơ sở thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, những luận điểm logic biện chứng mácxít về những quy luật, nguyên tắc chi phối, chiều hướng và nguyên nhân vận động của khái niệm trong tư duy lý luận.

Phương pháp nghiên cứu: Tiểu luận vận dụng các phương pháp thống nhất phân tích - tổng hợp, lịch sử - logic, diễn dịch - quy nạp, khái quát hóa, trừu tượng hóa, so sánh, phương pháp đọc hiểu tài liệu, văn bản, chú giải học...

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Tiểu luận góp phần hệ thống hóa và làm rõ hơn những cách hiểu và nội dung khái niệm GCCN trong lịch sử tư tưởng XHCN; từ đó tóm lược, khái quát hóa logic vận động của khái niệm GCCN trong tư duy lý luận.

Kết quả của Tiểu luận có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy môn logic học biện chứng, triết học Mác - Lênin, CNXH khoa học...

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1 Khái niệm giai cấp công nhân

Chính C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ: “Vấn đề là ở chỗ tìm hiểu xem giai cấp vô sản thực ra là gì và phù hợp với tồn tại ấy của bản thân nó, giai cấp vô sản buộc phải làm gì về mặt lịch sử “. Để chỉ giai cấp công nhân, các nhà kinh điển dùng nhiều khái niệm như: giai cấp vô sản, giai cấp xã hội, giai cấp công nhân ... hoàn toàn chỉ dựa vào việc bán sức lao động của mình và lao động làm thuê ở thế kỷ XIX, giai cấp vô sản hiện đại, giai cấp công nhân hiện đại, giai cấp công nhân đại công nghiệp như những cụm từ đồng nghĩa để biểu thị một khái niệm.

Trong các thuật ngữ này, tùy từng điều kiện mà ta sử dụng. Tuy nhiên, các thuật ngữ đó đều nói lên: Giai cấp công nhân- con đẻ của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa, giai cấp đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất hiện đại. Ngoài các thuật ngữ trên, C.Mác và Ph.Ăngghen còn dùng những thuật ngữ có nội dung hẹp hơn để chỉ các loại công nhân trong các ngành khác nhau, trong các giai đoạn khác nhau của công nghiệp như: công nhân cơ khí là công nhân làm trong ngành cơ khí; công nhân dệt là công nhân làm trong ngành dệt; công nhân công trường thủ công là công nhân làm trong các công trường; công nhân nông nghiệp là công nhân làm trong ngành nông nghiệp có sử dụng các trang thiết bị của công nghiệp ...

Mặc dù các thuật ngữ trên có nhiều tên gọi khác nhau như thế nào đi nữa thì theo C.Mác và Ph.Ăngghen chúng vẫn chỉ mang hai thuộc tính căn bản.

Thứ nhất, về phương thức lao động, phương thức sản xuất: Giai cấp công nhân là lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hoá cao.

Thứ hai, về vị trí trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa: đó là những người lao động không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị nhà tư bản bóc lột về giá trị thặng dư.

Thực tế, ở các nước tư bản, công nhân trong các ngành dịch vụ này chiếm 50% đến 70% lao động. Tuy nhiên, điều này không hề làm giảm vai trò của giai

cấp công nhân trong nền kinh tế và ngay cả tỷ trọng của giai cấp công nhân trong dân cư. Bởi vì những người làm thuê trong các ngành dịch vụ gắn liền với công nghiệp và hoạt động theo lối công nghiệp vẫn là công nhân xét cả trên hai thuộc tính về giai cấp công nhân.

Mặt khác, bên cạnh trình độ thấp của giai cấp công nhân truyền thống đã xuất công nhân có trình độ cao, có xu hướng “tri thức hoá” và cũng ngày càng tiếp thu thêm đông đảo những người thuộc tầng lớp trí thức vào hàng ngũ của mình. Mặc dù vậy, bản chất về giai cấp công nhân cũng không hề thay đổi. Nếu trước kia, công nhân bán sức lao động chân tay là chủ yếu thì nay, họ bán cả sức lao động chân tay và lao động trí óc, giá trị ngày càng lớn và do đó càng bị bóc lột giá trị thặng dư theo chiều sâu. Giai cấp công nhân bắt đầu có sự thay đổi về tài sản. Phần lớn, họ không còn là những người vô sản trần trụi với hai bàn tay trắng, mà họ đã có một số tư liệu sản xuất phụ có thể cùng gia đình làm thêm; một số công nhân đã có cổ phần, cổ phiếu ở xí nghiệp.

Tóm lại, căn cứ vào hai tiêu chí cơ bản của giai cấp công nhân, ta có thể nói: những người lao động trong các ngành sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp là công nhân, còn những người làm công ăn lương phục vụ trong các ngành khác như y tế, giáo dục, văn hoá, dịch vụ (không liên quan đến sản xuất công nghiệp) ... là những người lao động nói chung, họ đang được thu hút vào các tổ chức công đoàn nghề nghiệp nhưng họ không phải là công nhân.

Từ hai tiêu chí trên ta có thể định nghĩa: “Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình hình thành và phát triển của nền công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hoá ngày càng cao; là lực lượng sản xuất cơ bản tiên tiến, trực tiếp hoặc tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội”.

1.2 Sự ra đời khái niệm giai cấp công nhân trong lịch sử tư tưởng trước Mác

Quá trình chuyển hóa từ sức lao động thành hàng hóa sức lao động, từ nhiều giai tầng thành GCCN gắn liền với quá trình hình thành phương thức sản xuất

TBCN. Điều kiện để phương thức sản xuất TBCN ra đời là xuất hiện trên thị trường hai loại hàng hóa: tiền và hàng hóa sức lao động. Người có tiền, tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt, cần mua sức lao động; bên còn lại là những người bán sức lao động của mình. Khi nào họ phải bán sức lao động? Khi họ bị tách rời khỏi quyền sở hữu tư liệu sản xuất. Nhưng họ muốn bán sức lao động thì họ phải trở thành người tự do. Để có được tự do, họ cần phải thoát khỏi sự thống trị của phường hội và không còn lệ thuộc kiểu nông nô hay phong kiến vào một người khác. Như vậy sự vận động lịch sử thực hiện bước nhảy chuyển hóa thành người lao động làm thuê là quá trình bao gồm hai mặt. Một mặt thể hiện thành sự giải phóng họ khỏi sự phụ thuộc phong kiến và sự cưỡng bức của phường hội. Mặt khác, những người mới được giải phóng đó chỉ trở thành những người tự bán mình sau khi họ bị tước hết mọi tư liệu sản xuất và mọi thứ bảo đảm đời sống do thể chế phong kiến cũ cung cấp cho họ. Và lịch sử của sự tước đoạt đó đã được ghi vào sử sách của loài người bằng máu và lửa với nhiều biện pháp cụ thể.

Gắn liền với quá trình sinh thành GCCN thông qua các biện pháp tước đoạt ruộng đất là những cuộc cách mạng trong phương thức sản xuất sản với sự xuất hiện những hình thức kinh tế của chủ nghĩa tư bản. Đầu tiên là sự hình thành hình thức kinh tế công trường thủ công của nền sản xuất TBCN. Công trường thủ công được hình thành thì công nhân công trường thủ công cũng ra đời. Công nhân công trường thủ công vẫn chưa tách ra khỏi khối quần chúng nghèo khổ, chưa trở thành một lực lượng chính trị ổn định, độc lập trong xã hội, địa vị làm thuê của họ còn mang tính chất nhất thời, tạm bợ.

CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

2.1. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Lịch sử phát triển của thế giới chính là lịch sử phát triển của các hình thái kinh tế xã hội từ thấp đến cao. Trong xã hội có giai cấp, để giải quyết mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất phát triển đến trình độ xã hội hoá cao với quan hệ sản xuất cũ, giữa giai cấp thống trị với giai cấp lao động phải phát triển từ hình thái kinh tế xã hội thấp đến cao.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định vai trò của quần chúng nhân dân lao động: là người sáng tạo chân chính ra lịch sử; là người có vai trò quyết định sáng tạo công cụ sản xuất, giá trị thặng dư, chính trị xã hội. Khi trong xã hội còn tồn tại giai cấp bóc lột trong một phương thức sản xuất với điều kiện phương thức sản xuất đó còn giữ vị trí tiên tiến, do đó phải đảm bảo quy luật lịch sử.

Khi nghiên cứu về các giai cấp, tầng lớp trong hình thái kinh tế xã hội chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen đã rút ra các kết luận:

Một là: giai cấp tư sản trong chưa đầy một thế kỷ đã tạo ra một lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn, với lực lượng sản xuất bằng tất cả các xã hội trước để lại, tạo ra năng suất lao động cao hơn nhiều. Do đó giai cấp tư sản đã từng đóng vai trò tích cực trong lịch sử là tạo năng suất lao động cao.

Hai là: khi lực lượng sản xuất đạt tới trình độ xã hội hoá cao, xuất hiện mâu thuẫn về quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa mà tập trung là sở hữu tư bản chủ nghĩa, kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Khi lực lượng sản xuất phát triển, quan hệ sản xuất như cũ thì xuất hiện giai cấp mới để giải phóng quan hệ sản xuất cũ, đó chính là giai cấp công nhân.

Ba là: việc giai cấp công nhân đứng lên đấu tranh để giải phóng giai cấp, điều đó không có nghĩa chỉ giải phóng giai cấp mà tập trung giải phóng xã hội và giải phóng con người vì giai cấp công nhân có lợi ích phù hợp với nhân dân lao động, với dân tộc và với nhân loại.

Từ những kết luận của C.Mác và Ph.Ăngghen và những khẳng định về giai cấp công nhân hiện đại là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để, có khả năng tổ

chức và lãnh đạo toàn thể nhân dân lao động tiến hành cuộc cải biến cách mạng, từ hình thái kinh tế xã hội tư bản sang hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa, giải phóng nhân loại khỏi ách áp bức, bất công và mọi hình thức bóc lột.

Ph.Ăngghen viết:” Thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy- đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại ”.

Còn Lênin đã chỉ rõ:” Điểm chủ yếu trong học thuyết của C.Mác là ở chỗ nó làm sáng tỏ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội chủ nghĩa”.

Chính C.Mác đã nói: ”những người cộng sản có thể tóm tắt lực lượng của mình bằng một công thức là xoá bỏ chế độ tư hữu”. Trong lĩnh vực chính trị: giai cấp công nhân phải trở thành giai cấp thống trị trong xã hội. Đó là phải đập tan chính quyền tư sản; xây dựng chính quyền nhà nước(nền chuyên chính vô sản): thực chất là để đảm bảo quyền lực chính trị thuộc về nhân dân, giữ vai trò quan trọng là công cụ xây dựng xã hội mới, là kiểu nhà nước: nhà nước nửa nhà nước và nhà nước tự tiêu vong.

2.2 Giai cấp công nhân và phong trào công nhân thế giới hiện nay

Trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân bị toàn bộ giai cấp tư sản bóc lột, là giai cấp trực tiếp đối kháng với giai cấp tư sản, không có quyền trong tổ chức, điều hành lao động, phân phối sản phẩm lao động. Do đó giai cấp công nhân không được làm chủ trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Họ bị bần cùng hoá so với giai cấp tư sản (bị bóc lột trong quá trình sản xuất, ngoài quá trình sản xuất và bị bóc lột theo chiều sâu).

Giai cấp công nhân hiện nay ở các nước tư bản có đời sống vật chất cao vẫn bị bóc lột, bần cùng hoá theo đúng nghĩa của nó. Công nhân có cổ phần, tức là đã ra nhập vào quá trình sản xuất, điều hành sản xuất đó là công nhân tư bản nhân dân nhưng con số này vẫn còn rất khiêm tốn. Còn ở các nước tư bản phát triển, công nhân bị bóc lột cao hơn rất nhiều, từ 200% tới 300% và sự chênh lệch giàu nghèo cũng khá cao.

Số lượng giai cấp công nhân (GCCN) hiện nay có nhiều số lượng tương đối khác biệt do tiêu chí, quy mô và cách đánh giá của mỗi chủ thể nghiên cứu. Năm

2012, Ngân hàng Thế giới (WB) cho biết, thế giới đã có 1.000 triệu công nhân. Một nghiên cứu của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) năm 2014 khẳng định, trên thế giới hiện có 1.540 triệu “công nhân làm công ăn lương” (salaried workers) trong tổng số gần 3.300 triệu người lao động của thế giới hiện nay. Cũng theo ILO, dự báo về số lượng nhóm này, năm 2018 sẽ là 1.702 triệu người.

Cũng có một phân tích khác đưa ra số liệu tương đương: “Khi C. Mác viết Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, năm 1848, trên thế giới chỉ có khoảng 10 - 20 triệu công nhân, tương đương chiếm 2% - 3% số dân toàn cầu và chỉ trong vài lĩnh vực có máy móc. Đến đầu thế kỷ XX, toàn thế giới có 80 triệu công nhân. Năm 2013, lần đầu tiên trong lịch sử có đa số cư dân tham gia vào lực lượng lao động và là người lao động ăn lương. Hiện nay có khoảng 1,6 tỷ người lao động ăn lương, tăng thêm 600 triệu kể từ giữa những năm 1990, hơn 1 tỷ trong số đó là công nhân”. Số liệu về số lượng công nhân có thể khác nhau đôi chút, nhưng nhận thức chung là sự tăng lên mạnh mẽ của lao động công nghiệp trên thế giới trong vài thập niên gần đây. Tỷ lệ lao động bằng phương thức công nghiệp hiện nay chiếm trên 60% số lao động toàn cầu. Quá trình công nghiệp hóa, nhu cầu phát triển văn minh (toàn cầu hóa, đô thị hóa, hiện đại hóa cuộc sống...) là những nguyên nhân của hiện tượng này.

Cơ cấu của GCCN hiện nay khá đa dạng, đang chuyển biến mạnh theo hướng hiện đại hóa và được tiếp cận theo những tiêu chí đánh giá sau:

Một là, cơ cấu nghề nghiệp của công nhân hiện nay vô cùng đa dạng và chưa ngừng lại ở những nghề hiện có. Năm 1893, Ph. Ăng-ghe-n quan niệm: “Khi tôi nói “công nhân”, tôi có ý nói người lao động của tất cả mọi giai cấp. Người tiêu thương bị các hãng buôn lớn lấn gạt, viên chức văn phòng, thợ thủ công, công nhân thành thị và công nhân nông nghiệp bắt đầu cảm thấy ách áp bức của chế độ tư bản chủ nghĩa hiện nay ở nước chúng tôi”. Như vậy, quan niệm “giai cấp công nhân” đã được lý luận mở rộng rất nhiều, không chỉ có những người trực tiếp hoặc gián tiếp vận hành công cụ lao động có tính chất công nghiệp nữa, mà còn là tất cả những người lao động trong chế độ tư bản.

Hai là, cơ cấu công nhân theo lĩnh vực hoạt động. Giai cấp công nhân hiện

nay lao động trên 3 lĩnh vực cơ bản là nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Mặc dù đang có sự dịch chuyển lao động giữa các lĩnh vực nhưng xu hướng chung là nhóm lao động ở lĩnh vực dịch vụ tăng mạnh, số lượng lao động trong lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp giảm nhẹ. Số liệu của ILO về so sánh tỷ trọng lao động trong các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trong những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI cho thấy rõ điều đó.

Ở các nước phát triển, chẳng hạn ở Bắc Âu, xu hướng này có hình như: Trong cơ cấu kinh tế, tỷ trọng lao động dịch vụ chiếm khoảng 70%; công nghiệp khoảng 25% và nông nghiệp từ 3% đến 5% lao động. Cơ cấu lao động của Đan Mạch: 4% số dân làm việc trong khu vực nông - lâm nghiệp, 24% trong công nghiệp và xây dựng, 72% số dân làm việc trong lĩnh vực dịch vụ, trong đó 31% là dịch vụ công và 41% là dịch vụ tư nhân.

Ba là, cơ cấu của GCCN xét theo trình độ công nghệ hiện nay được nhìn nhận là đa dạng và không đồng đều. Các nghiên cứu về trình độ công nghệ của công nhân thường xét theo khả năng tiếp cận các cuộc cách mạng công nghiệp, cách tính toán thường là công nghiệp 2.0; 3.0 hoặc tiệm cận 4.0. Cũng có những đánh giá trình độ công nghệ của công nhân theo đặc tính của kỹ thuật của từng ngành công nghiệp mà họ đang hoạt động, ví dụ: “công nghệ in offset” và “công nghệ in kỹ thuật số”. Nhìn chung, công nghệ mà công nhân trên thế giới hiện đang sử dụng là một “dải khá rộng” được mô tả bằng “cây phả hệ công nghệ đa tầng”, hàm ý là ở nhiều trình độ, phát triển vốn theo quy luật không đều và sự phát triển của GCCN hiện nay cũng vẫn tuân theo quy luật đó.

2.3 Từ phong trào công nhân áo vàng ở pháp rút ra được bài học cho công nhân các nước xã hội chủ nghĩa và các đang cộng san hiện nay.

Thứ nhất, quá trình công nghiệp hóa cùng với cải cách, đổi mới đang tạo ra nhiều đặc điểm mới cho GCCN.

Tác nhân hàng đầu làm biến đổi GCCN hiển nhiên là các cuộc cách mạng công nghiệp với chu kỳ ngày càng ngắn hơn, yêu cầu đa diện hơn. Trong hơn 100 năm gần đây nhất người ta đã thấy 3 cuộc cách mạng công nghiệp: lần thứ hai, lần thứ ba và lần thứ tư. Trong thế kỷ XX, nhân loại cũng đã tiến hành 2 kiểu công

ng nghiệp hóa là công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa (TBCN) và công nghiệp hóa XHCN. Các cuộc cách mạng công nghiệp với chu kỳ ngày càng ngắn dần: Từ “đại công nghiệp” tức là từ “công nghiệp 1.0” đến “công nghiệp 2.0” mất gần hai thế kỷ; nhưng từ “công nghiệp 2.0” đến “công nghiệp 3.0” chỉ khoảng một thế kỷ; còn từ “công nghiệp 3.0” đến “công nghiệp 4.0” chỉ mất 30 năm!

Tư duy mới về chính trị có thể thúc đẩy sự phát triển của GCCN. Chế độ XHCN đã tạo ra một chất lượng mới, quy mô và tốc độ mới cho công nghiệp hóa. Ngay trong kiểu công nghiệp hóa này cũng có 2 trình độ là công nghiệp hóa theo mô hình công nghiệp hóa cũ và theo mô hình công nghiệp hóa mới. Hiện nay, cùng với lý luận công nghiệp hóa mới của thế giới và xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, các nước XHCN có thể thông qua hợp tác - phân công lao động quốc tế để thực hiện công nghiệp hóa. Chính CNTB cũng cần đến CNXH và tìm đến để hợp tác trong sản xuất toàn cầu. Đổi mới tư duy chính trị, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, đẩy mạnh hội nhập quốc tế... là xu thế chung của nhiều quốc gia. Giai cấp công nhân đã xuất hiện với số lượng, chất lượng và diện mạo mới không chỉ từ công nghiệp hóa mà còn từ cải cách, đổi mới.

Thứ hai, kinh tế thị trường làm cho cơ cấu GCCN ngày càng đa dạng hơn.

Nhận thức mới về vai trò của kinh tế thị trường là tạo ra một không gian rộng mở hơn cho sự phát triển về nhiều mặt của GCCN với nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia quá trình công nghiệp hóa. Từ thực tế này, lý luận về GCCN hiện đại được bổ sung, phát triển thêm. Chẳng hạn, hiệu quả sản xuất - kinh doanh, năng suất lao động, lợi ích của người lao động, người sử dụng lao động, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chuỗi giá trị toàn cầu, chủ động hội nhập, tổ chức chính trị - xã hội của công nhân trong bối cảnh mới,... đều là những vấn đề lý luận mới mẻ và rộng lớn, phức tạp hơn.

Cũng vì vậy, đã có hàng chục khái niệm để chỉ GCCN và có nhiều điểm khác biệt về nội hàm khi so sánh các khái niệm ấy với nhau. Sự mở rộng nội hàm ấy đã khiến cho nhiều khi so sánh công nhân hiện nay với công nhân ở thế kỷ XIX chỉ còn đặc điểm là “lao động làm thuê” và “bị bóc lột sức lao động” được C. Mác sử dụng, là có thể thấy rõ. Còn các tiêu chí - phẩm chất khác của công nhân, như gắn

liên với máy móc công nghiệp, lao động mang tính xã hội hóa, có tính tổ chức, kỷ luật và triệt để cách mạng, có tinh thần quốc tế và bản sắc dân tộc... đều có sự thay đổi, mở rộng và trong nhiều trường hợp cụ thể, là tương đối khó nhận diện.

Thứ ba, một bộ phận lớn công nhân hiện nay xuất thân từ đô thị.

Giai cấp công nhân thời C. Mác là giai cấp lao động làm thuê, bị bóc lột và xuất thân chủ yếu từ nông dân và nông thôn. Nhưng từ những năm 80 của thế kỷ XX trở lại đây, xu thế *đô thị hóa và đông đảo cư dân đô thị đã bổ sung một lượng lớn vào nguồn nhân lực của giai cấp công nhân*. Trước đây, các vùng tụ cư trong lịch sử nhân loại thường ở lưu vực các con sông lớn, nơi thuận tiện cho canh tác nông nghiệp và có nguồn nước cho sinh hoạt. Ngày nay, đặc biệt là từ giữa thế kỷ XX, bắt đầu xuất hiện những thành phố lớn trên sa mạc, như Lát Ve-gát (Las Vegas) cùng nhiều đô thị ở Trung Đông..., chúng hầu như được xây dựng và phát triển dựa trên nguyên lý mới là khắc phục giới hạn của tự nhiên, nhân tạo hóa các điều kiện sống bằng khoa học và công nghệ hiện đại. Đây là một quá trình gắn liền với phát triển văn minh và công nghệ. Đó là những thành phố được dịch vụ bởi công nghệ hiện đại. Nó cần đến công nghệ mới, công nghiệp và công nhân.

Năm 2005, khu vực có mức đô thị hóa cao nhất là ở Bắc Mỹ với 82% số dân sống ở đô thị, tiếp đó là Mỹ La-tinh và vùng Ca-ri-bê chiếm 80% và châu Âu là 73%. Báo cáo “*Nhìn lại triển vọng đô thị hóa thế giới*” của Liên hợp quốc năm 2005, mô tả “thế kỷ XX đã chứng kiến quá trình đô thị hóa nhanh chóng của cư dân thế giới” với tỷ lệ cư dân đô thị tăng từ 13% (220 triệu người) năm 1900 lên 29% (732 triệu người) năm 1950 và 49% (3,2 tỷ người) năm 2005. Báo cáo này cũng ước tính rằng vào năm 2030 con số đó sẽ là 60% (4,9 tỷ người).

2.4 Quan điểm cá nhân về vấn đề này

Khái niệm GCCN từ V.I.Lênin đến nay, so với thời kỳ C.Mác và Ph.Ăngghen sống, có nội dung phong phú hơn do được bổ sung nhiều tính chất mới như trực tiếp làm thuê cho liên minh những nhà tư bản, có cổ phần, được nhận một phần giá trị thặng dư, mang tính “quá độ” lên CNXH...; có nội hàm sâu sắc hơn nhờ thống nhất được tất cả các dấu hiệu của các đối tượng ngoại biên rộng lớn hơn trong hiện thực; có mối liên hệ nội tại, qui định bản chất và sự biến

đổi của hệ thống khái niệm trong CNXH khoa học; bản chất GCCN được khai triển cụ thể hơn và ngày càng được hiện thực hóa. GCCN Việt Nam được phản ánh trong khái niệm vừa mang bản chất của GCCN quốc tế vừa mang đặc tính dân tộc Việt Nam, nội dung, nội hàm và ngoại diên của khái niệm GCCN Việt Nam luôn vận động cùng dòng chảy lịch sử dân tộc

KẾT LUẬN

Đến nay, chưa có công trình nào coi sự vận động của khái niệm GCCN là đối tượng nghiên cứu chính. Vì vậy, có một số vấn đề về logic vận động của khái niệm GCCN đang được đặt ra cần lời giải đáp. Để giải quyết vấn đề đó, Tiểu luận đã xây dựng khung mẫu lý thuyết về các điều kiện cần cho sự ra đời của một khái niệm, lý thuyết, học thuyết nói chung. Hiện thực hóa khung mẫu lý thuyết đó trên chất liệu logic vận động của khái niệm GCCN, qua đó khẳng định: Khái niệm GCCN ra đời trên cơ sở đối tượng GCCN đã phát triển tới độ trưởng thành và những giá trị của tư tưởng XHCN không tương thời kỳ Phục hưng và Cận đại; Nó vận động từ trừu tượng tới cụ thể, có nội hàm ngày càng sâu sắc, ngoại diên ngày càng mở rộng và từng bước được hiện thực hóa; Khái niệm GCCN giữ vai trò khái niệm chủ, sản sinh ra những khái niệm khác của CNXH khoa học qua trung giới; Trình độ khái niệm GCCN qui định trình độ của hệ thống các khái niệm của CNXH. GCCN Việt Nam được phản ánh trong khái niệm vừa mang bản chất của GCCN nói chung, vừa mang những đặc tính dân tộc và luôn luôn biến đổi qua các thời kỳ của lịch sử dân tộc.

DANH MỤC THAM KHẢO

- (1) Xem: *Những nghiên cứu mới về giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay*, Tài liệu dịch của Đề tài, tr. 28
- (2) Xem: *Phong trào công nhân, công đoàn trên thế giới hiện nay*, Tài liệu tập huấn môn học *Lịch sử Phong trào cộng sản, công nhân quốc tế* của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tháng 12-2018
- (3) Judith Banister: “Việc làm trong ngành sản xuất ở Trung Quốc” (Manufacturing employment in China), *Monthly Labor Review*, tháng 7-2005, tr. 1, Tài liệu dịch của Đề tài, *Tlđđ*, tr. 90
- (4) János Kornai: *Con đường dẫn tới nền kinh tế thị trường* (The Road to a Free Economy - Shifting from a Socialist System: The Example of Hungary), Hà Nội, Hội Tin học Việt Nam, 2001, tr. 32
- (5), (6) Hoàng Húc Đông: *Lý luận giai cấp công nhân của các tác giả mác-xít kinh điển và những biến động mới của giai cấp công nhân Trung Quốc đương đại*, Tài liệu dịch của Đề tài: “Các học giả Trung Quốc bàn về giai cấp công nhân Trung Quốc thời đại mới”, 2019, tr. 10, 11 – 12
- (7) Ở Mỹ, nhóm lao động dịch vụ thường gọi là “Brown-collar workers”. Họ chịu trách nhiệm vệ sinh môi trường công cộng, chăm sóc sức khỏe người già, hỗ trợ cộng đồng và những công việc tuy có thể đơn giản nhưng rô-bốt không thể thay thế
- (8) C.Mác và Ph.Ăng-ghen: *Toàn tập, Sđđ*, t. 4, tr. 600
- (9) C.Mác và Ph.Ăng-ghen: *Toàn tập, Sđđ*, t. 22, tr. 485
- (10) C.Mác và Ph.Ăng-ghen: *Toàn tập, Sđđ*, t. 4, tr. 464